

THƯ MỜI CHÀO GIÁ LẦN 2

V/v mua sắm bổ sung Hóa chất xét nghiệm, Phim X-Quang
tại Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu năm 2022

Kính gửi: Quý Công Ty

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu có nhu cầu mua sắm một số loại hàng hóa sử dụng tại bệnh viện.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm, Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu kính mời các Quý công ty khảo sát và báo giá cung ứng các loại hàng hóa sau đây:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính
1	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh hoặc huyết tương. Phương pháp: Đo quang theo phương pháp biuret. Ngưỡng đo: 14 g/dL. Giới hạn phát hiện: 0.05 g/dL. Thành phần: R1: Sodium hydroxide 100 mmol/L, Potassium sodium tartrate 17 mmol/L, R2: Sodium hydroxide 500 mmol/L, Potassium sodium tartrate 80 mmol/L, Potassium iodide 75 mmol/L, Copper sulphate 30 mmol/L. .	Hộp
2	Kit xét nghiệm Total Triiodothyronine (T3), phương pháp Elisa	Thuốc thử sử dụng cho xét nghiệm định lượng kháng nguyên hormone T3 trong huyết thanh người Nguyên lý: EIA cạnh tranh Thành phần MIC 12 dây giếng, mỗi dây 8 giếng bê được, đã phủ kháng thể kháng T3 CAL A - F Mẫu chuẩn 6x2.0ml, sẵn dùng, trong huyết thanh người với nồng độ T3 là: 0 (A), 0.5 (B), 1.0 (C), 2.5 (D), 5.0 (E) và 7.5 (F) ng/ml CON 1.5 ml. Liên kết kháng thể Enzyme . T3-HRP-conjugate. In a protein stabilising matrix 1 % C-DIL 13 ml Dung dịch đệm liên kết đệm phosphate WS 20 ml Dung dịch rửa Nồng độ khoảng 1000 ml. Muối đệm TRIS 250 mmol/l SUB 14 ml Dung dịch cơ chất 3,3', 5,5'-tetramethylbenzidine (TMB) 0.55 g/l Urea Hydrogen peroxide 0.03%. Dung dịch đệm Sodium Acetate 0.05 mol/l STOP 7.5 ml Dung dịch ngưng phản ứng Sulphuric acid 0.5 mol/l Độ ổn định đến ngày hết hạn dùng khi chưa mở nắp. Mẫu thử huyết thanh hoặc huyết tương (chống đông EDTA hoặc Heparin). Độ nhạy khoảng 0.05 ng/ml.	Hộp
3	Kit xét nghiệm Total Thyroxine (T4),	Thuốc thử sử dụng cho xét nghiệm định lượng kháng nguyên hormone T4 trong huyết thanh người. Nguyên lý: EIA cạnh tranh Thành phần: [MIC] 12 dải vi phiếm. 8 rãnh bê được, bọc anti-T4. [CAL] A - F mẫu định chuẩn. 6x2.0ml sẵn dùng, trong huyết thanh người,	Hộp

	phương pháp Elisa	mức T4: 0 (A), 2 (B), 5 (C), 10 (D), 15 (E), and 25 (F) µg/dl [CON] 1.5 ml liên kết kháng thể Enzyme. T4-HRP-conjugate, In a protein stabilising matrix 1 % [C-DIL] 13 ml Dung dịch đệm liên kết. đệm phosphate [WS] 20 ml dung dịch rửa. nồng độ khoảng 1000 ml. Muối đệm Tris 250 mmol/l [SUB] 14 ml dung dịch cơ chất . 3,3', 5,5'-tetramethylbenzidine (TMB) 0.55 g/l , urea Hydrogen peroxide 0.03%. dung dịch đệm Sodium acetate 0.05 mol/l [STOP] 7.5 ml dung dịch ngưng. Sulphuric acid 0.5 mol/l . Độ ổn định đến ngày hết hạn dùng khi chưa mở nắp. Mẫu thử huyết thanh hoặc huyết tương (chống đông EDTA hoặc Heparin). Độ nhạy khoảng 0.22 ug/dl.	
4	Kit xét nghiệm Thyrotropin (TSH), phương pháp Elisa	Thuốc thử sử dụng cho xét nghiệm định lượng protein TSH trong huyết thanh người Phương pháp: - Direct Antigen-EIA Thành phần: [MIC] 12 dây giếng. 8 rãnh bề được, phủ anti-TSH [CAL] A - F chất chuẩn.6x2.0mlsẵn dùng. Mức TSH: 0 (A), 0.5 (B), 3.0 (C), 6.0 (D), 15.0 (E), and 30.0 (F) mIU/l [CON] 13 ml kháng thể gắn kết Enzyme .sẵn để dùng, pH 6.25 ± 0.1 anti-TSH , HRP-labelled [WS]20x] 50 ml dung dịch rửa nồng độ 1000 ml pH 7.2 ± 0.2 dung dịch đệm Tris 10 mmol/l NaCl 8 g/l [SUB] 13 ml dung dịch cơ chất pH 3.6 ± 0.25 .sẵn để dùng, 3,3', 5,5'-tetramethylbenzidine (TMB) 1.2 mmol/l. Hydrogen Peroxide ≤ 6.0 mmol/l [STOP] 15 ml dung dịch ngưng Sulphuric acid 0.5 mol/l Độ ổn định đến ngày hết hạn dùng khi chưa mở nắp. Mẫu thử: huyết thanh. Độ nhạy 0.1 mIU/l.	Hộp
5	Kit xét nghiệm β-HCG, phương pháp Elisa	Khoảng xét nghiệm: 1- 200 mIU/ml Độ nhạy phân tích: < 1 mIU/ml Độ chụm nội xét nghiệm: 8.9%; 4,0 %; 3.4% Độ chụm liên xét nghiệm: 9.9%; 7.3%; 6.6% Độ thu hồi: 89 % - 100 % Độ tuyến tính: 90 % - 108,0% Độ ổn định: 2-8oC trong một năm	Hộp
6	Nẹp mắt xích các cỡ	Nẹp dày 2.5mm, rộng 10mm, dùng vít xương cứng đường kính 3.5mm và 4.0mm, có từ 5 đến 22 lỗ, dài từ 58 đến 262mm. Và loại nẹp dày 2.5mm rộng 11mm, có từ 4 đến 14 lỗ, nẹp dài từ 59 đến 219mm. Chất liệu thép không gỉ.	cái
7	Vít chốt định nội tủy xương chày, xương đùi các cỡ	Loại vít tự ta rô, đường kính vít 4.5mm và có chiều dài từ 25mm đến 75mm. Đầu bắt vít và đầu cổ mũ vít đều có ren, đoạn giữa thân vít là trơn. -- Đồng bộ với định nội tủy có chốt. Tiêu chuẩn FDA, chất liệu thép không gỉ. Có 4 lỗ bắt vít (2 lỗ bắt đầu gần, 2 lỗ bắt đầu xa),đỉnh đặc định gập góc ở đầu gần. Đầu xa trơn nhọn, thân đỉnh trơn. Đường kính đỉnh từ 8mm đến 12mm, chiều dài đỉnh từ 220mm đến 420mm" (Gửi kèm hàng mẫu khi có yêu cầu)	cái
8	Phim X-Quang (35x43 cm)	Kích thước 35x43 cm. Bảo quản ở nhiệt độ: 10-25oC. Công nghệ in laser. Độ phân giải: 508 DPI, Độ tương phản: 14 bit. Hình ảnh thể hiện trên phim sau khi in ra phải rõ, sắc nét, độ tương phản và độ bền cao cho ra những hình ảnh xác thực, tương đương với hình ảnh hiển thị trên hệ thống máy CT-Scan.	tấm

- Công ty tham gia chào giá phải ghi rõ tên, địa chỉ, ngày chào giá, hiệu lực của bảng chào giá và các chế độ bảo trì kèm theo (nếu có).

- Bảng chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc chào giá.

- Ghi rõ nội dung ngoài phong bì để tiện theo dõi.

- Thời gian nộp chào giá: Hạn cuối đến 16h 00 ngày 01/08/2022

- Nơi nhận: Khoa Dược – TTB – VTYT, Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu. Địa chỉ: 525 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Rất mong sự hồi đáp của Quý công ty.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng KHNV (Tổ CNTT để đăng Website);
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Sỹ